

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HS-PT

Ngày 07-03-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Nhậm

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Phụng.

Bà Trịnh Thị Phúc.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 176/2022/TLPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Phạm Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2022/HS-ST ngày 26-9-2022 của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

- Bị cáo kháng cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 02/9/1986, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn C và bà Phạm Thị R; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: không.

Tiền án: có 03 tiền án:

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 350/HSST ngày 14/3/2005 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 4 năm tù, tội Cố ý gây thương tích, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/8/2007.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 72/2008/HSST ngày 23/5/2008 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 7 năm tù, tội Cướp giật tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/10/2014.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/2016/HSST ngày 11/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 5 năm 6 tháng tù, tội Trộm cắp tài sản, Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/11/2020. Đến nay chưa được xóa án tích.

Bị cáo Phạm Văn T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2022 đến nay (có mặt).

- Bị hại: Mai Văn X, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp T, xã M huyện D, tỉnh Long An (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Những người không kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:

- Người làm chứng:

1. Đoàn Minh K, sinh năm 2003. Địa chỉ: Ấp R, xã M huyện D, tỉnh Long An

2. Mai Hà L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp R, xã M huyện D, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 28/4/2022, Phạm Văn T đi bộ đến địa bàn xã Mỹ Hạnh Bắc tìm tài sản trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, T đi bộ vào đường nhựa Lục Viên, khi đến nhà ông Mai Văn X, T phát hiện phía sau nhà ông X có một xe mô tô 3 bánh (không biển số) không có người trông coi nên T dùng kiềm cộng lực đã chuẩn bị sẵn cắt đứt dây kim loại khóa bánh xe, rút dây điện nguồn, dùng chân đạp khởi động xe chạy đi khoảng 30 mét thì bị ông X và người dân phát hiện bắt giữ T, giao Công an xã Mỹ Hạnh Bắc xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 35/KL.ĐGTS ngày 05/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đức Hòa kết luận xe mô tô ba bánh (không biển số), màu xanh trị giá 9.320.000 đồng.

Hiện nay Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa đang tạm giữ các vật chứng gồm:

- 01 xe mô tô ba bánh (không biển số), số máy: không, số khung: không, màu xanh là tài sản của ông Mai Văn X, xác định xe không rõ nguồn gốc, không có giấy chứng nhận đăng ký;

- 01 sợi dây cáp bằng kim loại bị cắt đứt; 01 ổ khóa là tài sản hợp pháp của ông Mai Văn X;

- 02 kiềm cộng lực; 01 kiềm bấm; 01 kiềm mũi nhọn; 01 thân đoản; 01 mũi đoản; 01 cuộn băng keo đen; 01 giỏ xách màu đen không nhãn hiệu là công cụ Phạm Văn T sử dụng vào mục đích phạm tội.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan, không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về kết luận định giá, đồng thời không khiếu nại đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa, bị hại Mai Văn X yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe là 20.000.000 đồng; bị cáo đồng ý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 120/2022/HS-ST ngày 26-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An đã xử:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/4/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho bị hại Mai Văn X số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 xe mô tô ba bánh (không biển số), số máy: không, số khung: không, màu xanh; xe không rõ nguồn gốc, không có giấy chứng nhận đăng ký.

- Tịch thu tiêu hủy 02 kiếm cộng lực; 01 kiếm bấm; 01 kiếm mũi nhọn; 01 thân đoản; 01 mũi đoản; 01 cuộn băng keo đen; 01 giỏ xách màu đen không nhãn hiệu.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn tạm giam, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 10/10/2022, bị cáo Phạm Văn T kháng cáo giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Phạm Văn T thừa nhận thực hiện hành vi như bản án sơ thẩm đã xử, bị cáo xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, không oan. Bị cáo Phạm Văn T kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại về trách nhiệm dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm có nội dung:

Bị cáo kháng cáo trong thời hạn theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Mai Văn X đã lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 9.320.000 đồng; đồng thời, tại Bản án số 12/2016/HSST ngày 11/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 5 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/11/2020 với tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138; điểm đ khoản 2 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999; sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/11/2020, chưa được xóa án tích. Đến ngày 29/4/2022, T tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đức Hòa. Như vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Mai Văn X yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng là giá trị chiếc xe, bị cáo đồng ý.

Bản án sơ thẩm đã quyết định phạt bị cáo 5 năm tù và buộc bị cáo bồi thường 20.000.000đ.

Sau xét xử bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét việc buộc bị cáo bồi thường 20.000.000đ.

Xét thấy, bản thân bị cáo đã nhiều lần phạm tội, lần gần nhất bị cáo đã phạm tội với tính chất tái phạm nguy hiểm, khi chấp hành án xong bị cáo chưa được xóa án lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này bị cáo tuy trộm tài sản trị giá không lớn, nhưng tính chất phạm tội là tái phạm nguy hiểm. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự có mức án tù từ 2 năm đến 7 năm. Mức án mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật. Khi kháng cáo bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ xem xét kháng cáo của bị cáo về hình phạt.

Đối với kháng cáo yêu cầu xem xét việc bị cáo bồi thường cho bị hại 20.000.000đ, nhận thấy: Tài sản bị trộm là 01 xe mô tô ba bánh trị giá 9.320.000đ, khi lấy được tài sản, bị cáo mới đi được khoảng 30 m thì bị bắt quả tang, tài sản bị thu hồi. Như vậy bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không đáng kể. Tại Tòa sơ thẩm bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 20.000.000đ, bị cáo chấp nhận bồi thường và được Hội đồng xét xử chấp nhận, nhưng yêu cầu của bị hại, chấp nhận của bị cáo và phán quyết của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm là không có căn cứ theo quy định tại Điều 584 Bộ luật Dân sự quy định về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường. Vì vậy có căn cứ xem xét kháng cáo về mặt dân sự của bị cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356, điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T về hình phạt, chấp nhận kháng cáo về phần dân sự, sửa Bản án số 120/2022/HS-ST ngày 26-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An không buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Mai Văn X 20.000.000đ.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các khoản khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Phúc thẩm.

Bị cáo không tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Phạm Văn T kháng cáo trong thời hạn theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Bị hại có liên quan đến kháng cáo của bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt vào ngày 27/02/2032. Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự

bị hại vắng mặt không vì lý do bất khả kháng và không do trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử quyết định phiên tòa vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về nội dung: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 29/4/2022, Phạm Văn T có hành vi đột nhập vào nhà chứa rom của ông Mai Văn X, tại ấp Tràm Lạc, xã M huyện D, tỉnh Long An, lén lút chiếm đoạt tài sản là một xe mô tô ba bánh trị giá 9.320.000 đồng, vừa điều khiển xe trộm đi khoảng 30m thì bị phát hiện bắt quả tang, tạm giữ người và vật chứng vụ án.

[4] Bị cáo là người đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô ba bánh của ông Mai Văn X, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được định giá theo tổ tụng có giá trị 9.320.000 đồng nên đã có đủ căn cứ xác định bị cáo đã có hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều bản án chưa được xóa án tích. Tại Bản án số 12/2016/HSST ngày 11/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 5 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/11/2020 với tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138; điểm d khoản 2 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999; sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/11/2020, chưa được xóa án tích. Đến ngày 29/4/2022, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự; Nên Án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật và không oan sai. Án sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo theo quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo 5 năm tù và buộc bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe mô tô ba bánh bị cáo có hành vi trộm cắp cho ông X là 20.000.000đồng. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại trách nhiệm bồi thường của bản án sơ thẩm.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo:

[4.1] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Bị cáo phạm tội bị truy tố và đưa ra xét xử theo quy định tại khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm”. Khi xét xử án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng nên án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ bị cáo có theo quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 05 (năm) năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo như Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị là phù hợp.

[4.2] Xét kháng cáo về bồi thường thiệt hại: Tài sản bị trộm là 01 xe mô tô ba bánh trị giá 9.320.000đ. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo mới đem tài sản đi

được khoảng 30m thì bị bắt quả tang, tài sản bị thu hồi. Tài sản bị cáo chưa bị tiêu thụ, chưa bị làm thiệt hại, hư hỏng. Do vật chứng chiếc xe mô tô ba bánh của ông X không có giấy tờ hợp lệ theo quy định nên thuộc trường hợp là: Vật Nhà nước cấm lưu hành. Án sơ thẩm tuyên tịch thu chiếc xe mô tô ba bánh của ông X sung ngân sách nhà nước là phù hợp theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, thực tế bị cáo chưa gây thiệt hại đối với tài sản bị cáo chiếm đoạt của ông X. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu buộc bị cáo bồi thường tài sản là chiếc xe mô tô ba bánh cho ông X với số tiền là 20.000.000đ là không có căn cứ theo quy định tại Điều 584 Bộ luật Dân sự quy định về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường. Vì vậy yêu cầu kháng cáo xem xét lại việc bồi thường tài sản của bị cáo là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị sửa phần trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm “không buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Mai Văn X 20.000.000đ” là có căn cứ. Đồng thời sửa án sơ thẩm về án phí sơ thẩm đối với bị cáo.

[4.3] Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bị cáo sửa phần bồi thường trách nhiệm dân sự và án phí sơ thẩm của bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Phạm Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

[6] Các khoản khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T; Giữ nguyên hình phạt của Bản án Hình sự sơ thẩm số 120/2022/HS-ST ngày 26-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An đối với bị cáo Phạm Văn T.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T; Sửa phần trách nhiệm dân sự của án Hình sự sơ thẩm số 120/2022/HS-ST ngày 26-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

2. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/4/2022.

Căn cứ Điều 347 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Văn T 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/03/2023)

3. Về trách nhiệm dân sự: Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản của ông Mai Văn X.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Về án phí hình sự Sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Văn T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về án phí hình sự Phúc thẩm: Bị cáo Phạm Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nhậm